BỘ TƯ LỆNH LĂNG
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
VIỆN 69

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 734 /QĐ-V69

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh mục dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Kiểm định thiết bị

VIỆN TRƯỞNG VIỆN 69

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023, Luật số 57/2024/QH15 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật Đấu thầu của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công và Luật Quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư 141/2025/TT-BQP ngày 12/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng quy định, hướng dẫn một số nội dung về hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc Phòng.

Theo đề nghị của Ban Kế hoạch tổng hợp tại Tờ trình ngày 06/10/2026 về việc phê duyệt duyệt danh mục dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Kiểm định thiết bị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Kiểm định thiết bị với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Ban Kế hoạch tổng hợp chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả

không tiêu cực, tham nhũng, lãng phí và tuân thủ đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ban Kế hoạch tổng hợp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- KHTH (03);
- Ban Tài chính;
- PGD số 1 thuộc Kho bạc Nhà nước Khu vực 1;
- Lưu: VT. Th07.

VIỆN TRƯỞNG

BTL LĂNG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
VIỆN 69

Đại tá Tưởng Phi Vương

Phụ lục 1

PHÊ DUYỆT DANH MỤC DỰ TOÁN KIỂM ĐỊNH THIẾT BỊ

(Kèm theo Quyết định số 734 /QĐ-V69 ngày 26 tháng 10 năm 2026 của Viện trưởng Viện 69)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	ĐVT	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	**Kiểm định cân kỹ thuật 150 kg Adam Equipment TFW150** Phạm vi cân: max 150kg Giá trị độ chia: d=10g Kiểm tra độ chính xác và sai số, đánh giá kết quả và cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định đối với cân đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.	Cái	01	324.000	324.000
2	**Kiểm định cân kỹ thuật 100 kg Kern KFN-TM** Phạm vi cân: max 100kg Giá trị độ chia: d=10g Kiểm tra độ chính xác và sai số, đánh giá kết quả và cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định đối với cân đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.	Cái	01	324.000	324.000
3	**Kiểm định cân kỹ thuật 65 kg Kern DS65k1** Phạm vi cân: max 65kg Giá trị độ chia: d=1g Kiểm tra độ chính xác và sai số, đánh giá kết quả và cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định đối với cân đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.	Cái	01	324.000	324.000
4	**Kiểm định cân kỹ thuật 2 kg Kern 470-36** Phạm vi cân: max 2kg Giá trị độ chia: d=0,01g Kiểm tra độ chính xác và sai số, đánh giá kết quả và cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định đối với cân đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.	Cái	01	324.000	324.000
5	**Kiểm định cân kỹ thuật 10 kg Kern 470-44** Phạm vi cân: max 81/220g Giá trị độ chia: d=0,01g Kiểm tra độ chính xác và sai số, đánh giá kết quả và cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định đối với cân đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.	Cái	01	324.000	324.000
6	**Kiểm định cân phân tích 5 số lẻ Mettler toledo AX205** Phạm vi cân: max 81/220g Giá trị độ chia: d=0,01 mg Kiểm tra độ chính xác và sai số, đánh giá kết quả và cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định đối với cân đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.	Cái	01	648.000	648.000
7	**Kiểm định cân phân tích 4 số lẻ Mettler toledo MS204S** Phạm vi cân: max 220g Giá trị độ chia: d=0,1mg Kiểm tra độ chính xác và sai số, đánh giá kết quả và cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định đối với cân đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.	Cái	02	648.000	1.296.000

TT	Nội dung	ĐVT	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
8	**Kiểm định cân phân tích 4 số lẻ Ohaus PA114C** Phạm vi cân: max 110g Giá trị độ chia: d=0,1mg Kiểm tra độ chính xác và sai số, đánh giá kết quả và cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định đối với cân đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.	Cái	01	648.000	648.000
9	**Kiểm định cân 4 số lẻ Sartorius TE214S** Phạm vi cân: max 210g Giá trị độ chia: d=0,1mg Kiểm tra độ chính xác và sai số, đánh giá kết quả và cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định đối với cân đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.	Cái	01	648.000	648.000
10	**Kiểm định cân phân tích 3 số lẻ Mettler toledo MS303S** Phạm vi cân: max 320g Giá trị độ chia: d=1mg Kiểm tra độ chính xác và sai số, đánh giá kết quả và cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định đối với cân đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.	Cái	02	648.000	1.296.000
11	**Kiểm định cân phân tích 5 số lẻ Labex CEB1035N** Phạm vi cân: max 102/31g Giá trị độ chia: d=0.1mg Kiểm tra độ chính xác và sai số, đánh giá kết quả và cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định đối với cân đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.	Cái	01	648.000	648.000
12	**Kiểm định cân phân tích 4 số lẻ Labex JF2204** Phạm vi cân: max 210g Giá trị độ chia: d=0,1mg Kiểm tra độ chính xác và sai số, đánh giá kết quả và cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định đối với cân đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.	Cái	01	648.000	648.000
13	**Kiểm định cân kỹ thuật 150 kg Metler Toledo BBA231-3B150A/S** Phạm vi cân: max 150kg Giá trị độ chia: d=10g Kiểm tra độ chính xác và sai số, đánh giá kết quả và cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định đối với cân đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.	Cái	02	324.000	648.000
14	**Kiểm định cân kỹ thuật 15 kg UTE UWA-H** Phạm vi cân: max 15kg Giá trị độ chia: d=0.5 g Kiểm tra độ chính xác và sai số, đánh giá kết quả và cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định đối với cân đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.	Cái	01	324.000	324.000
15	**Kiểm định máy đo pH Microlap Mutilab IDS 4010-2** Phạm vi đo: (0-14) pH Giá trị độ chia: 0.001pH Kiểm tra độ chính xác và sai số, đánh giá kết quả	Cái	01	4.320.000	4.320.000

TT	Nội dung	ĐVT	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
	và cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định đối với thiết bị đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.				
	Tổng cộng				**12.744.000**

Bằng chữ: Mười hai triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng.

Giá trên đã bao gồm thuế và phí.

Phụ lục II

PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU KIỂM ĐỊNH THIẾT BỊ

(Kèm theo Quyết định số 734 /QĐ-V69 ngày 06 tháng 10 năm 2026 của Viện trưởng Viện 69)

TT	Chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Viện 69, Bộ Tư lệnh Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	Kiểm định thiết bị	Kiểm định thiết bị	12.744.000	Ngân sách năm 2026	Chào giá trực tuyến rút gọn	Không	Quý III năm 2026	Quý III năm 2026	Hợp đồng trọn gói	30 ngày	Không	Không đề xuất
Tổng giá trị phần công việc thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.				**12.744.000**									

Bằng chữ: Mười hai triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng.

Giá trên đã bao gồm thuế và công vận chuyển đến địa điểm giao hàng.